TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** Tỉnh Bến Tre	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **220/**2018/QĐST - DS	*Thạnh Phú, ngày 06 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 32/2016/TLST - DS ngày 16 tháng 11 năm 2016.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông Bùi Văn P (Bùi Văn T), sinh năm: 1941. Hộ khẩu thường trú: số 90 đường N, phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Hiện đang tạm trú: ấp T L, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Phan Thị D, sinh năm: 1942, địa chỉ: ấp T L, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Bà Phan Thị D ủy quyền cho ông Bùi Văn P tham gia tố tụng.

- ***Bị đơn***: Bà Trương Thị R, sinh năm: 1962, địa chỉ: ấp Thạnh L, xã T H, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

+ Bà Bùi Thị N, sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp T L, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

+ Ông Bùi Văn T, sinh năm: 1971; địa chỉ: ấp T H, xã T H, huyện P, tỉnh Bến Tre.

+ Ông Bùi Văn H, sinh năm: 1977; địa chỉ: ấp T L, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn T và Bùi Văn H cùng ủy quyền cho ông Bùi Văn P tham gia tố tụng.

+ Bà Trương Thị L, sinh năm: 1948. Hộ khẩu thường trú: 76/2, ấp H, T , huyện P, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: huyện L, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Trương Thị L, sinh năm: 1950, địa chỉ: 12/6 P, phường X, k 1, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Trương Thị T, sinh năm: 1957, địa chỉ: ấp Q, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre.

+ Ông Trương Văn H, sinh năm: 1969, địa chỉ: ấp A, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre.

+ Bà Bùi Thị L, sinh năm: 1960, địa chỉ: ấp 7, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

+ Ông Trương Văn Đ (Đ), sinh năm: 1981; Bà Trương Thị T, sinh năm: 1979. Cùng địa chỉ: ấp T L, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Trương Thị L, Trương Thị L, Trương Thị T, Bùi Thị L, ông Trương Văn H, Trương Văn Đ (Đ) và bà Trương Thị T có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trương Thị R đồng ý giao trả cho ông Bùi Văn P (Bùi Văn T) và bà Phan Thị D phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 327.3m^2 thuộc một phần thửa số 2 (vị trí 2a), tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại ấp T L, xã T H, huyện P, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản trên đất là 117 cây đước và 139 cây mắm. Ông Bùi Văn P (Bùi Văn T) và bà Phan Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị R số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), thời gian giao tiền vào ngày 06/11/2018.

Vị trí thửa đất và độ dài tứ cận thể hiện trích đo địa chính khu đất kèm theo.

Về lệ phí đo đạc, định giá tài sản:

Ông Bùi Văn P (Bùi Văn T và bà Phan Thị D tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí đo đạc địa chính là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và lệ phí định giá tài sản là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng). Ông P (T) và bà D đã nộp xong các khoản tiền này.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Văn P (Bùi Văn T) và bà Phan Thị D liên đới nộp số tiền án phí là: 362.015 đồng (Ba trăm sáu mươi hai nghìn không trăm mười lăm đồng) nhưng được miễn nộp do ông P (T) và bà D là người cao tuổi thuộc trường hợp được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Ông Bùi Văn P (Bùi Văn T) và bà Phan Thị D tự nguyện liên đới nộp thay cho bà Trương Thị R số tiền án phí: 212.015 đồng (Hai trăm mười hai nghìn không trăm mười lăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 250.000 đồng (do chị Đặng Thị Th nộp thay) theo biên lai thu số 0004655 ngày 16/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Ông P (T) và bà D được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn lại số tiền 37.985 đồng (Ba mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND H.Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên